

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 63-TC/ĐTPT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 11 năm 1996

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc quản lý, cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ban hành ngày 20-3-1996;

Căn cứ Nghị định số 42-CP ngày 16/7/1996 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/TTLB ngày 10-9-1996 của liên Bộ Bộ Xây dựng - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 42/CP ngày 16/7/1996 của Chính phủ;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước như sau:

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

- Vốn Ngân sách Nhà nước (bao gồm vốn trong nước, vốn vay nước ngoài của Chính phủ và vốn viện trợ nước ngoài cho Chính phủ, các cấp chính quyền và các cơ quan Nhà nước) chỉ cấp phát cho các dự án đầu tư thuộc đối tượng sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng.
- Các dự án đầu tư được cấp phát vốn Ngân sách Nhà nước phải có đủ thủ tục đầu tư và xây dựng, được ghi kế hoạch Nhà nước và có đủ điều kiện được cấp phát vốn theo Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng và quy định tại Thông tư này.
- Hệ thống Đầu tư phát triển trực thuộc Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển, Cục Đầu tư phát triển, Chi cục đầu tư phát triển - dưới đây gọi tắt là cơ quan đầu tư phát triển) là cơ quan trực tiếp quản lý, cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án đầu tư sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước và các dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác của Nhà nước theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ trong quá trình cấp phát vốn, đảm bảo cấp phát kịp thời, đầy đủ cho các dự án đã có đủ điều kiện cấp phát vốn theo tiến độ thực hiện dự án.
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Tổng công ty được thành lập theo Quyết định số 91/TTg ngày 7-3-1994 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh) và các chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định của Nhà nước về đầu tư và xây dựng, sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, chấp hành chính sách chế độ quản lý tài chính của Nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản.

PHẦN II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I- CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐƯỢC SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

- Các dự án thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp thuộc các lĩnh vực:

- Cơ sở hạ tầng kinh tế: các dự án giao thông, thủy lợi,... (trừ trường hợp có quyết định khác của Chính phủ).
- Trồng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên,...
- Các trạm trại thú y, động thực vật, nghiên cứu giống mới và cải tạo giống.
- Các dự án xây dựng công trình văn hoá, xã hội, thể dục thể thao, phúc lợi công cộng.
- Dự án quản lý Nhà nước, khoa học kỹ thuật.
- Dự án bảo vệ môi trường sinh thái khu vực, vùng lãnh thổ.
- Dự án an ninh, quốc phòng.

2- Các dự án của các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, góp vốn cổ phần liên doanh bằng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước vào các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3- Dự án một số doanh nghiệp thuộc lĩnh vực then chốt của nền kinh tế quốc dân theo quy định của Chính phủ.

4- Các dự án quy hoạch ngành và lãnh thổ, quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn.

5- Các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

II- LẬP, THÔNG BÁO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

1- Lập và kiểm tra kế hoạch năm:

1.1- Trong thời gian lập dự toán ngân sách Nhà nước năm sau theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước, căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án và số kiểm tra do các Bộ và Ủy ban nhân dân địa phương thông báo, chủ đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản của dự án gửi Ủy ban nhân dân các cấp (đối với dự án do các cấp địa phương quản lý) và Bộ (đối với dự án Trung ương quản lý).

1.2- Các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, lập kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

1.3- Trên cơ sở các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, các cân đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, Bộ Tài chính chủ động phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân bổ kế hoạch cấp phát vốn đầu tư cho từng Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh và các dự án quan trọng của Nhà nước.

1.4- Sau khi được Chính phủ giao ngân sách, các Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp tiến hành phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho từng dự án thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo khớp đúng với chỉ tiêu được giao về tổng mức đầu tư; cơ cấu ngành kinh tế; cơ cấu vốn đầu tư; mức vốn và cơ cấu vốn các dự án quan trọng của Nhà nước.

Cơ quan tài chính và cơ quan đầu tư phát triển ở địa phương chủ động phối hợp với cơ quan Kế hoạch và các cấp chính quyền địa phương trong việc phân bổ vốn đầu tư cho từng dự án, đảm bảo đúng với chỉ tiêu Nhà nước giao và điều kiện ghi kế hoạch của các dự án.

1.5- Sau khi đã phân bổ vốn đầu tư cho từng dự án, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là cấp huyện) và xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã) phải gửi kế hoạch vốn đầu tư cho cơ quan Đầu tư phát triển ở địa phương; các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh phải gửi kế hoạch vốn đầu tư cho Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển) để kiểm tra về các mặt sau đây:

- Việc đảm bảo các điều kiện ghi kế hoạch của các dự án được ghi kế hoạch theo quy định tại điểm 1 mục II phần II của Thông tư này.
- Sự khớp đúng với chỉ tiêu Chính phủ giao về tổng mức đầu tư, cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu vốn đầu tư, mức vốn và cơ cấu vốn các dự án quan trọng của Nhà nước.

Sau khi kiểm tra Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển) phải có ý kiến bằng văn bản gửi các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan đầu tư phát triển ở địa phương phải có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã. Trường hợp kế hoạch đã triển khai chưa đảm bảo các yếu tố trên đây thì yêu cầu điều chỉnh lại.

1.6- Trên cơ sở kế hoạch đã phân bổ hoặc sau khi điều chỉnh phù hợp với chỉ tiêu Nhà nước giao và các dự án đầu tư có đủ điều kiện được ghi kế hoạch, Tổng cục Đầu tư phát triển thông báo cho các Cục Đầu tư phát triển trực tiếp cấp phát vốn; các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp giao chỉ tiêu kế hoạch khối lượng cho các chủ đầu tư, đồng gửi cơ quan Đầu tư phát triển để làm căn cứ cấp phát vốn.

2- Lập và thông báo kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng quý: Nội dung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng quý phải phản ánh được giá trị khối lượng đã thực hiện của quý trước và lũy kế từ đầu năm đến cuối quý trước; vốn đã được cấp tạm ứng, thu hồi tạm ứng và cấp phát thanh toán của quý trước và lũy kế từ đầu năm đến cuối quý trước; dự kiến giá trị khối lượng thực hiện của quý này, nhu cầu vốn tạm ứng và vốn cấp phát thanh toán quý này.

Trình tự xây dựng, duyệt và thông báo kế hoạch quý như sau:

2.1- Căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản được giao và tiến độ thực hiện dự án, chủ đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng quý theo các nội dung trên đây gửi cơ quan Đầu tư phát triển nơi chủ đầu tư trực tiếp giao dịch, đồng gửi Bộ hoặc Ủy ban nhân dân các cấp.

2.2- Cơ quan Đầu tư phát triển ở địa phương xem xét, tổng hợp gửi cơ quan tài chính địa phương kế hoạch quý đối với các dự án do địa phương quản lý, gửi Tổng cục Đầu tư phát triển kế hoạch quý đối với các dự án do Trung ương quản lý trên địa bàn mà Cục đảm nhiệm.

Tổng cục Đầu tư phát triển xem xét, tổng hợp kế hoạch quý đối với các dự án do Trung ương quản lý gửi Bộ Tài chính.

2.3- Cơ quan tài chính (Bộ tài chính, cơ quan tài chính địa phương) xem xét kế hoạch chi của cơ quan Đầu tư phát triển (Tổng cục Đầu tư phát triển, cơ quan Đầu tư phát triển ở địa phương), căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm và khả năng ngân sách, bố trí mức chi hàng quý và thông báo cho cơ quan Đầu tư phát triển để thực hiện.

2.4- Căn cứ mức chi do Bộ Tài chính thông báo, Tổng cục Đầu tư phát triển phân bổ cho các Cục Đầu tư phát triển mức chi hàng quý đối với các dự án do Trung ương quản lý trên địa bàn mà Cục đảm nhiệm. 2.5- Căn cứ mức chi do Sở Tài chính vật giá thông báo và mức chi do Tổng cục Đầu tư phát triển thông báo, Cục Đầu tư phát triển phân bổ mức chi hàng quý cho các dự án do tỉnh thành phố quản lý và các dự án do Trung ương quản lý trên địa bàn mà Cục đảm nhiệm, thông báo cho các chủ đầu tư.

Căn cứ mức chi do cơ quan tài chính cấp huyện, xã thông báo, cơ quan Đầu tư phát triển ở địa phương phân bổ mức chi hàng quý cho các dự án do cấp huyện, xã quản lý, thông báo cho các chủ đầu tư.

Trong phạm vi mức chi được thông báo, chủ đầu tư làm thủ tục đề nghị cấp phát tạm ứng hoặc cấp phát khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành gửi đến cơ quan Đầu tư phát triển.

2.6- Căn cứ mức chi hàng quý đã được cơ quan tài chính thông báo, cơ quan Đầu tư phát triển tổ chức thực hiện cấp phát cho các chủ đầu tư.

2.7- Cơ quan đầu tư phát triển có quyền từ chối cấp phát cho các dự án mà chủ đầu tư không lập kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng quý.

III- ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC CẤP PHÁT VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Các dự án đầu tư được cấp phát vốn khi có đủ các điều kiện sau đây:

1- Có đầy đủ thủ tục về đầu tư và xây dựng, cụ thể cho các dự án như sau:

1.1- Các dự án quy hoạch ngành, lãnh thổ, quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn:

- Quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép tiến hành lập dự án quy hoạch.

- Dự toán chi phí cho công tác quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.2- Chuẩn bị đầu tư:

- Quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép tiến hành công tác chuẩn bị đầu tư.

- Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.3- Chuẩn bị thực hiện dự án:

- Báo cáo nghiên cứu khả thi và quyết định đầu tư.
- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.4- Thực hiện dự án:

- Báo cáo nghiên cứu khả thi và quyết định đầu tư.
 - Thiết kế kỹ thuật và quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật; tổng dự toán và quyết định phê duyệt tổng dự toán. Những dự án A, B nếu chưa có thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán được duyệt, thì trong quyết định đầu tư phải quy định mức vốn của từng hạng mục và phải có thiết kế kỹ thuật và dự toán của hạng mục công trình khởi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - Có giấy phép sử dụng đất và giấy phép xây dựng (đối với công trình phải có giấy phép sử dụng đất và giấy phép xây dựng).
- 2- Được ghi kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định tại điểm 1 mục II phần II của Thông tư này.
- 3- Quyết định thành lập Ban quản lý dự án (trường hợp phải thành lập Ban quản lý dự án) bổ nhiệm Trưởng Ban và Kế toán trưởng (hoặc Trưởng phòng Kế toán), chủ đầu tư đã mở tài khoản cấp vốn tại hệ thống Tổng cục Đầu tư phát triển.
- 4- Đã tổ chức đấu thầu tuyển chọn tư vấn, mua sắm vật tư thiết bị, xây lắp theo quy định của quy chế đấu thầu (trừ những dự án được phép chỉ định thầu).
- 5- Có khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành đủ điều kiện được cấp vốn thanh toán hoặc đủ điều kiện được cấp vốn tạm ứng theo quy định tại mục IV và V phần II của Thông tư này.

IV- CẤP VÀ THU HỒI VỐN TẠM ỨNG:

1- Đối tượng được cấp vốn tạm ứng:

- Dự án đầu tư thực hiện theo phương thức đấu thầu dự án.
- Các khối lượng xây lắp thực hiện đấu thầu.
- Mua sắm thiết bị (kể cả thiết bị nhập khẩu và thiết bị chế tạo trong nước).
- Các công việc phải thuê tư vấn.
- Công việc đền bù giải phóng mặt bằng.
- Một số công việc khác thuộc chi phí khác của dự án như chi phí cho bộ máy quản lý dự án, các chi phí cấp giấy phép xây dựng, thuê đất hoặc thuê chuyển quyền sử dụng đất.

Các dự án đầu tư hoặc khối lượng công việc thuộc dự án đầu tư ngoài đối tượng trên đây chỉ được cấp vốn tạm ứng khi Thủ tướng Chính phủ cho phép.

2- Điều kiện được cấp vốn tạm ứng:

2.1- Đối với các dự án đầu tư thực hiện đấu thầu dự án (đấu thầu toàn bộ dự án: thiết kế, cung ứng thiết bị, xây lắp...).

- Có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu.
- Có hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và đơn vị trúng thầu.
- Có giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng của đơn vị trúng thầu.

2.2- Đối với các khối lượng xây lắp thực hiện đấu thầu:

- Có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu.
- Có hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và đơn vị trúng thầu.
- Có giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng của đơn vị trúng thầu.

2.3- Đối với mua sắm thiết bị (kể cả thiết bị nhập khẩu và thiết bị chế tạo trong nước):

- Có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu (đối với phần thiết bị thực hiện đấu thầu).
- Có hợp đồng mua sắm thiết bị giữa chủ đầu tư và đơn vị cung ứng thiết bị. Riêng đối với thiết bị nhập khẩu phải có phê duyệt hợp đồng theo đúng quy định hiện hành.
- Có giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng của đơn vị trúng thầu (đối với phần thiết bị thực hiện đấu thầu).

2.4- Đối với các công việc phải thuê tư vấn:

- Có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu (đối với công việc có tổ chức đấu thầu tuyển chọn tư vấn).
- Có hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân.

2.5- Đối với một số công việc thuộc chi phí khác của dự án:

- Công tác đền bù, di chuyển dân cư để giải phóng mặt bằng phải có phương án đền bù, di chuyển và dự toán chi phí được duyệt.
- Các chi phí cấp đất, cấp giấy phép xây dựng, thuế đất hoặc chuyển quyền sử dụng đất phải có thông báo của cơ quan thu tiền.
- Đối với chi phí cho hoạt động của bộ máy quản lý dự án phải có dự toán chi phí được duyệt.

3- Mức vốn tạm ứng:

3.1- Đối với các khối lượng xây lắp thực hiện đấu thầu:

- Các gói thầu có giá trị từ 50 tỷ đồng trở lên, mức tạm ứng là 20% kế hoạch vốn cả năm của gói thầu.
- Các gói thầu có giá trị từ 10 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng, mức tạm ứng là 15% kế hoạch vốn cả năm của gói thầu.
- Các gói thầu có giá trị dưới 10 tỷ đồng, mức tạm ứng là 10% kế hoạch vốn cả năm của gói thầu.

Tất cả các mức tạm ứng quy định trên đây, nhiều nhất không vượt số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng của đơn vị trúng thầu.

3.2- Đối với mua sắm thiết bị:

- Vốn tạm ứng được cấp theo tiến độ thanh toán tiền của chủ đầu tư với đơn vị cung ứng, gia công chế tạo thiết bị được quy định trong hợp đồng kinh tế và được thực hiện cho đến khi thiết bị đã nhập kho của chủ đầu tư (đối với thiết bị không cần lắp) hoặc đã được lắp đặt xong và nghiệm thu (đối với thiết bị cần lắp).

Chủ đầu tư sử dụng vốn tạm ứng để:

- + Trả tiền đặt cọc.
- + Mở L/C (trường hợp phải ký quỹ mở L/C).
- + Thanh toán theo tiến độ thanh toán đã được xác định trong hợp đồng.
- + Thanh toán tiền vận chuyển, bảo quản, thuế nhập khẩu...
- Mức vốn tạm ứng để mua sắm thiết bị hàng năm theo hợp đồng kinh tế nhưng nhiều nhất không vượt kế hoạch vốn trong năm đã bố trí cho danh mục thiết bị đó. Trường hợp kế hoạch bố trí không đủ nhu cầu vốn để thanh toán theo hợp đồng, chủ đầu tư có trách nhiệm tìm nguồn vốn bổ sung.

3.3- Đối với các hợp đồng tư vấn, mức vốn tạm ứng ít nhất là 25% kế hoạch vốn cả năm nhưng không vượt quá kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho công việc phải thuê tư vấn đó và 50% giá trị hợp đồng.

3.4- Đối với các dự án đầu tư thực hiện đấu thầu dự án (đấu thầu toàn bộ dự án từ thiết kế, cung ứng thiết bị, xây lắp...), mức vốn tạm ứng được quy định như sau:

- Tạm ứng cho việc mua sắm thiết bị căn cứ vào tiến độ cung ứng thiết bị hoặc tiến độ gia công chế tạo (như quy định tại tiết 3.2 trên đất).
- Phần còn lại tạm ứng 20% kế hoạch vốn cả năm đã ghi cho khối lượng công việc còn lại nhưng nhiều nhất không vượt số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

3.5- Đối với công việc đền bù giải phóng mặt bằng, mức vốn tạm ứng ít nhất là 20% kế hoạch vốn cả năm nhưng không vượt quá kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho công việc đền bù giải phóng mặt bằng.

3.6- Đối với các công việc khác thuộc vốn chi phí khác thuộc đối tượng được cấp vốn tạm ứng, cơ quan đầu tư phát triển xem xét nhu cầu vốn tạm ứng của chủ đầu tư (thông báo thu tiền; dự toán chi phí của bộ máy quản lý dự án...) để cấp vốn tạm ứng nhưng nhiều nhất không vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho các loại công việc đó.

4- Thu hồi tạm ứng:

4.1- Đối với các hợp đồng xây lắp, vốn tạm ứng được thu hồi vào từng lần cấp phát thanh toán cho khối lượng xây lắp hoàn thành và được thu hồi hết trong năm kế hoạch theo quy định sau đây:

- Thời điểm thu hồi tạm ứng bắt đầu vào kỳ cấp phát thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành đầu tiên trong năm kế hoạch.